

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **269/2021/DS-PT**

Ngày: 27 - 12 - 2021

V/v: “*Đòi lại đất lấn chiếm và yêu  
cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử  
dụng đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lê Thúy Cầu

***Các Thẩm phán:***

**Ông Lê Tự**

**Ông Nguyễn Văn Tào**

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành An – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Ông Trần Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/TBTL-TA ngày 10-8-2021 về việc “*Đòi lại đất lấn chiếm và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 30-6-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 693/2021/QĐ-PT ngày 10-12-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn D (Hoàng G), sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:*

Ông Hoàng Anh N (Hoàng Văn N), sinh năm 1961 và ông Hoàng Văn N1 (Hoàng Văn N); địa chỉ: Thôn T, xã Hoàng T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn Hoàng Văn N1:* Ông Nguyễn Thái T - Luật sư Văn phòng luật sư K, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ: huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
  2. Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
  3. Bà Phạm Thị T (T), sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.
  4. Bà Dương Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
  5. Bà Trần Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
  6. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
  7. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1951; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
- Người kháng cáo:* Bị đơn ông Hoàng Văn N1 (Hoàng Văn N1).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Hoàng Văn D trình bày:*

Năm 1994, nguyên đơn được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) lần đầu với diện tích 830m<sup>2</sup> tại thửa đất số 188, tờ bản đồ số 03 xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Do nguyên đơn đã có đất và nhà ở nơi khác nên ông Hoàng Anh N và ông Hoàng Văn N1 là hai anh trai có đất liền kề đã lần chiếm sử dụng hết toàn bộ diện tích đất của nguyên đơn từ năm 1996, trong đó ông Hoàng Anh N lần chiếm 318m<sup>2</sup>, ông Hoàng Văn N1 lần chiếm 512m<sup>2</sup>. Để đảm bảo quyền lợi của mình nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Anh N và ông Hoàng Văn N1 trả lại toàn bộ diện tích đất đã lần chiếm.

*Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Hoàng Anh N và ông Hoàng Văn N1 trình bày:*

Bố mẹ của bị đơn và nguyên đơn là cụ Hoàng Văn Đ (chết 1990), cụ Nguyễn Thị B (chết 1998). Bố mẹ bị đơn sinh được 05 người con, khi chết không để lại di chúc. Sau khi lập gia đình ra ở riêng bố mẹ cho ông Hoàng Anh N 240m<sup>2</sup> đất, ông Hoàng Văn N1 395m<sup>2</sup> đất trong vườn nhà ở của bố mẹ. Năm 1994 hai bị đơn đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ lần đầu với diện tích của bố mẹ cho. Riêng nguyên đơn Hoàng Văn D tự kê khai để được cấp GCNQSDĐ lần đầu vào năm 1994 là không đúng quy định, vì lúc đó mẹ của các bị đơn đang còn sống, việc làm này đã ảnh hưởng đến quyền lợi của các đồng thừa

kế. Vì vậy hai bị đơn không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn và phản tố đề nghị hủy GCNQSDĐ của UBND huyện L cấp cho nguyên đơn, yêu cầu chia di sản thừa kế.

Tại Công văn Số 1590/UBND - TNMT ngày 30-6-2021 của UBND huyện L trình bày: Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ, hiện nay không có lưu trữ đối với việc cấp GCNQSDĐ năm 1994 cho ông Hoàng Văn D. Vì vậy UBND huyện L không có ý

kiến đối với yêu cầu khởi kiện và đề nghị T án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

UBND xã H, huyện L đã được triệu tập họp lệ nhưng không có ý kiến bằng văn bản và không cử người tham gia tố tụng.

Bà Phạm Thị T (Thủi) là người có quyền lợi liên quan vụ án trình bày: Vợ chồng bà được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ lần đầu từ năm 1994 với diện tích 830m<sup>2</sup> tại thửa đất số 188, tờ bản đồ số 3 xã H, vợ chồng bà sống trên diện tích đất này và đã xây dựng nhà nhỏ, năm 1996 mua được chỗ ở khác nên vợ chồng bà mới chuyển đi. Nay bà nhất trí với nguyên đơn buộc hai bị đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm 830m<sup>2</sup>.

Bà Dương Thị N và Trần Thị L là người có quyền lợi liên quan vụ án trình bày: Hai bà là vợ của hai bị đơn trong vụ án, thực tế vụ việc lúc mẹ chồng còn sống, các anh chị em trong gia đình đã họp có biên bản giao cho vợ chồng ông Hoàng Văn N1 (N1) trực tiếp nuôi mẹ và được nhận nhà và đất của bố mẹ để lại, còn vợ chồng ông D đã mua nhà đất đi ở nơi khác. Nay vợ chồng ông D kiện đòi lại đất hai bà không nhất trí vì đất đó là của bố mẹ.

-Tại phiên tòa bà Hoàng Thị T và Hoàng Thị T trình bày: Toàn bộ diện tích đất tại các thửa đất số 187, 188 và 192 tờ bản đồ số 3 (nay là thửa đất số 102 và 100, tờ bản đồ số 20) xã H, huyện L là của cụ Hoàng Văn Đ, cụ Nguyễn Thị B là bố mẹ của các đương sự trong vụ án. Diện tích đất tại thửa 187 của ông Hoàng Anh N và diện tích đất tại thửa đất số 192 của ông Hoàng Văn N1 được cụ Đ, cụ B cho lúc còn sống. Riêng diện tích tại thửa đất số 188 hiện mang tên ông Hoàng Văn D là của bố mẹ chưa cho ông D, nay hai bà đề nghị để lại nhà và đất của bố mẹ để làm nơi thờ cúng, yêu cầu hủy GCNQSDĐ của UBND huyện L cấp cho ông Hoàng Văn D.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 30-6-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định***

Căn cứ vào Điều 34, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 99, Điều 105, Điều 135 và Điều 203 Luật Đất đai 2013. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn D (tức Hoàng G) về việc yêu cầu ông Hoàng Anh N (tức Hoàng Văn N) và ông Hoàng Văn N1 (tức N1) trả lại 830m<sup>2</sup> đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 188, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa đất số 102, tờ bản đồ số 20) xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

2. Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn N1 trả lại cho vợ chồng ông Hoàng Văn D 387,1m<sup>2</sup> đất đã lấn chiếm (trong đó trả lại đất 182,8m<sup>2</sup> và 6.700.000 đồng giá trị 204,3m<sup>2</sup> đất); vợ chồng ông Hoàng Anh N phải trả lại cho vợ chồng ông Hoàng Văn D 442,9m<sup>2</sup> đất (trong đó trả lại đất 304,8m<sup>2</sup> và 4.560.000 đồng giá trị 138,3m<sup>2</sup> đất).

3. Diện tích các thửa đất được xác định như sau:

- Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa đất số 100, tờ bản đồ số 20) xã H, huyện L của ông Hoàng Văn N1 có tổng diện tích 599,1m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở, 399,1m<sup>2</sup> đất vườn) với tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường giao thông liên xóm từ điểm 01 đến điểm 03 dài 51,71 mét, phía Tây giáp thửa đất số 228 từ điểm 01 đến điểm 14 dài 10,33 mét, phía Đông giáp đường giao thông liên xóm từ điểm 3 đến điểm 4 dài 12,30 mét, phía N1 giáp thửa đất của ông Hoàng Văn D từ điểm 4 đến điểm 15 dài 33 mét và từ điểm 15 đến điểm 14 giáp thửa đất của ông Hoàng Anh N từ điểm 15 đến điểm 14 dài 19,2 mét và được sở hữu các tài sản trên đất.

- Thửa đất số 188, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa đất số 102, tờ bản đồ số 20) xã H của ông Hoàng Văn D có tổng diện tích 487,6m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở, 287,6m<sup>2</sup> đất vườn), có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất của ông Hoàng Văn N1 từ điểm 4 đến điểm 15 dài 33 mét, phía Tây giáp thửa đất của ông Hoàng Anh N từ điểm 15 đến điểm 16 dài 14,4 mét, phía N1 giáp thửa đất của ông Hoàng Anh N từ điểm 6 đến điểm 16 dài 33,3 mét, phía Đông giáp đường giao thông liên xóm từ điểm 4 đến điểm 6 dài 15 mét.

- Thửa đất 187, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa đất số 102, tờ bản đồ số 20) xã H của ông Hoàng Anh N có tổng diện tích 647,3m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở, 447,3m<sup>2</sup> đất vườn), có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất của ông Hoàng Văn N1 từ điểm 14 đến điểm 15 dài 19,2 mét; giáp thửa đất của ông Hoàng Văn D từ điểm 15 đến điểm 16 dài 14,4 mét và từ điểm 16 đến 6 dài 33,3 mét, phía Đông giáp đường giao thông liên xóm từ điểm 6 đến điểm 7 dài 7 mét, phía N1 giáp các thửa đất số 305; 304; 104; 303; 101 và 236 từ điểm 7 đến điểm 13 dài 52,95 mét, phía Tây giáp thửa đất số 228 từ điểm 13 đến điểm 14 dài 20,71 mét.

(có sơ đồ diện tích kèm theo)

4. Vợ chồng ông Hoàng Văn N1 có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Hoàng Văn D 6.700.000 đồng giá trị 204,1m<sup>2</sup> đất vườn và 15.246.000 đồng giá trị ngôi nhà ở; vợ chồng ông Hoàng Anh N có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Hoàng Văn D 4.560.000 đồng giá trị 138,3m<sup>2</sup> đất vườn.

5. Nguyên đơn ông Hoàng Văn D, bị đơn Hoàng Văn N1 và Hoàng Anh N có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai theo thẩm quyền để đăng ký biến động đất đai theo quy định.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyết định về chi phí thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05-7-2021 bị đơn ông Hoàng Văn N1 (Hoàng Văn N1) kháng cáo:

1. Trong đơn khởi kiện ông Hoàng Văn D chỉ yêu cầu đòi lại đất bị lấn chiếm chứ không đòi lại giá trị nhà.

2. Trước khi ông xây nhà mới đã trao đổi với vợ chồng ông D về việc mua lại phần nhà với trị giá 2.000.000 đồng, vợ chồng ông D đã đồng ý và vợ chồng ông đã giao 2.000.000 đồng cho vợ chồng ông D, do là anh em ruột nên ông không yêu cầu viết giấy nhận tiền. Như vậy vợ chồng ông D đã đồng ý cho vợ chồng ông xây nhà trên đất tạm của ông D. Việc T án cấp sơ thẩm xử buộc ông có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Hoàng Văn D 1/3 giá trị ngôi nhà của 15.246.000

đồng là vô lý. Đề nghị T án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Hoàng Văn N1 cho rằng chỉ yêu cầu đòi lại đất bị lấn chiếm chứ không đòi lại giá trị nhà và vợ chồng ông D về việc mua lại phần nhà với trị giá 2.000.000 đồng do là anh em ruột nên ông không yêu cầu viết giấy nhận tiền.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao Đà Nẵng đề nghị căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn N1. Sửa Bản án số 21/2021/DS-ST ngày 30-6-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, ghi nhận sự tự nguyện giữa các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng và các văn bản pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Văn N1 cho rằng nguyên đơn ông Hoàng Văn D làm đơn khởi kiện đòi lại đất bị lấn chiếm nhưng T án cấp sơ thẩm lại chia giá trị nhà cho ông là không đúng, vì ông Hoàng Văn N1 đã mua lại phần nhà với trị giá 2.000.000 đồng. Về điều này, Hội đồng xét xử thấy rằng: T án cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá một cách khách quan đối với nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do cụ Hoàng Văn Đ, cụ Nguyễn Thị B (bố mẹ của Hoàng Văn D, Hoàng Văn N1, Hoàng Anh N) tạo lập khoảng 1.525m<sup>2</sup>. Cụ thể: N 1994, các đương sự đều được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ lần lượt số D 0625863 ngày 03-6-1994 với 240m<sup>2</sup> tại thửa đất số 187, Hoàng Văn N1 được cấp GCNQSDĐ lần đầu số D 0625869 ngày 03-6-1994 với diện tích 395m<sup>2</sup>, Hoàng Văn D được cấp GCNQSDĐ số D 0625484 ngày 03-6-1994 với diện tích 830m<sup>2</sup>. Đồng thời, bị đơn Hoàng Anh N được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số D 0625863 ngày 03-6-1994 với diện tích 240m<sup>2</sup> tại thửa đất số 187; bị đơn Hoàng Văn N1 được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ lần đầu số D 0625869 ngày 03-6-1994 với diện tích 395m<sup>2</sup> tại thửa đất số 192, cùng tờ bản đồ số 3 xã H, huyện L. Trên thửa đất có diện tích 830m<sup>2</sup> của ông Hoàng Văn D xây dựng nhà nhỏ (cạnh nhà của mẹ là cụ Nguyễn Thị B). N 1996, ông Hoàng Văn D không sử dụng ngôi nhà nữa, toàn bộ diện tích đất của ông D do hai bị đơn sử dụng.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn D, buộc ông Hoàng Văn N1, ông Hoàng Văn N trả lại 830 m<sup>2</sup> đất đã lấn chiếm tại thửa số 188, tờ bản đồ số 03, xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình là đúng.

[2] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Hoàng Văn D đồng ý không yêu cầu ông Hoàng Văn N1 hoàn trả số tiền 5.000.000đ/15.000.000 đồng giá trị 1/3 ngôi nhà (ông N1 đã sửa chữa lại nhà của ông D rộng 37m<sup>2</sup>). Ông Hoàng Văn N1 còn phải trả lại 10.000.000 đồng cho ông Hoàng Văn D. Đây là tự nguyện dân sự của ông Hoàng Văn D không vi phạm đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật, có lợi cho ông Hoàng Văn N1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn N1. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Ông Hoàng Văn N1 được chấp nhận đơn kháng cáo nên không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ nêu trên;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**I.** Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn N1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 30-6-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. **Xử:**

Áp dụng Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn D (Hoàng G) về việc yêu cầu ông Hoàng Anh N (Hoàng Văn N) và ông Hoàng Văn N1 (Hoàng Văn N1) trả lại 830m<sup>2</sup> đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 188, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa đất số 102, tờ bản đồ số 20) xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

2. Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn N1 trả lại cho vợ chồng ông Hoàng Văn D 387,1m<sup>2</sup> đất đã lấn chiếm (trong đó trả lại đất 182,8m<sup>2</sup> và 6.700.000 đồng giá trị 204,3m<sup>2</sup> đất); vợ chồng ông Hoàng Anh N phải trả lại cho vợ chồng ông Hoàng Văn D 442,9m<sup>2</sup> đất (trong đó trả lại đất 304,8m<sup>2</sup> và 4.560.000 đồng giá trị 138,3m<sup>2</sup> đất).

3. Diện tích các thửa đất được xác định như sau:

- Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa đất số 100, tờ bản đồ số 20) xã H, huyện L của ông Hoàng Văn N1 có tổng diện tích 599,1m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở, 399,1m<sup>2</sup> đất vườn) với tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường giao thông liên xóm từ điểm 01 đến điểm 03 dài 51,71 mét, phía Tây giáp thửa đất số 228 từ điểm 01 đến điểm 14 dài 10,33 mét, phía Đông giáp đường giao thông liên xóm từ điểm 3 đến điểm 4 dài 12,30 mét, phía N1 giáp thửa đất của ông Hoàng Văn D từ điểm 4 đến điểm 15 dài 33 mét và từ điểm 15 đến điểm 14 giáp thửa đất của ông Hoàng Anh N từ điểm 15 đến điểm 14 dài 19,2 mét và được sở hữu các tài sản trên đất.

- Thửa đất số 188, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa đất số 102, tờ bản đồ số 20) xã H của ông Hoàng Văn D có tổng diện tích 487,6m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở, 287,6m<sup>2</sup> đất vườn), có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất của ông Hoàng Văn N1 từ điểm 4 đến điểm 15 dài 33 mét, phía Tây giáp thửa đất của ông Hoàng Anh N từ điểm 15 đến điểm 16 dài 14,4 mét, phía N1 giáp thửa đất của ông Hoàng Anh N từ điểm 6 đến điểm 16 dài 33,3 mét, phía Đông giáp đường giao thông liên xóm từ điểm 4 đến điểm 6 dài 15 mét.

- Thửa đất 187, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa đất số 102, tờ bản đồ số 20) xã H của ông Hoàng Anh N có tổng diện tích 647,3m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở, 447,3m<sup>2</sup> đất vườn), có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất của ông Hoàng Văn N1 từ điểm 14 đến điểm 15 dài 19,2 mét; giáp thửa đất của ông Hoàng Văn D từ điểm 15 đến điểm 16 dài 14,4 mét và từ điểm 16 đến 6 dài 33,3 mét, phía Đông giáp đường giao thông liên xóm từ điểm 6 đến điểm 7 dài 7 mét, phía N1 giáp các thửa đất số 305; 304;

104; 303; 101 và 236 từ điểm 7 đến điểm 13 dài 52,95 mét, phía Tây giáp thửa đất số 228 từ điểm 13 đến điểm 14 dài 20,71 mét.

(có sơ đồ diện tích kèm theo)

4. Vợ chồng ông Hoàng Văn N1 có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Hoàng Văn D 6.700.000 đồng giá trị 204,1m<sup>2</sup> đất vườn và **10.246.000 đồng** giá trị ngôi nhà ở; vợ chồng ông Hoàng Anh N có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Hoàng Văn D 4.560.000 đồng giá trị 138,3m<sup>2</sup> đất vườn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Nguyên đơn ông Hoàng Văn D, bị đơn Hoàng Văn N1 và Hoàng Anh N có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai theo thẩm quyền để đăng ký biến động đất đai theo quy định.

## **II. Về án phí:**

Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c, khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Ông Hoàng Văn N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn N1 số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002708 ngày 26-7-2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 27 - 12 - 2021./.*

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục Thi hành án DS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ, VT, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Thuý Cầu**